TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 45/2017/HSST
Ngày 27 -9- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân.

2. Ông Đỗ Văn Thư.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Ông Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân H, sinh năm 1997 tại Hải Phòng; ĐKNKTT và trú tại: Thôn V, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: lớp 10/12; Con ông Lê Trác L (đã chết), con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06 tháng 2 năm 2017, tạm giam ngày 09 tháng 02 năm 2017. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lê Trác H2, sinh năm 1980, chị Phạm Thị L2, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Xuân H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 05 tháng 2 năm 2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A nhận được đơn trình báo của vợ chồng anh Lê Trác H2, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị L2, sinh năm 1985, cùng ở thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng về việc ngày 05 tháng 02 năm 2017, gia đình chị bị Nguyễn Xuân H đột nhập, phá két sắt và lấy đi số tiền bán hàng mà gia đình anh chị để trong két sắt là

204.000.000đ (hai trăm linh bốn triệu đồng) gồm các cọc tiền mệnh giá 500.000 đ, 200.000 đ, 100.000 đ và 50.000 đ.

Sau khi nhận đơn trình báo của người bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu, chứng cứ. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Xuân H ra Công an huyện A đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Xuân H khai nhận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05 tháng 02 năm 2017, Nguyễn Xuân H đến nhà bà nội là bà Đoàn Thị Hòe, sinh năm 1950, ở thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng chơi. Tại đây, H phát hiện nhà anh Lê Trác H2, ở sát cạnh nhà bà H3 không có ai ở nhà. Do cần tiền ăn tiêu và mua ma túy để sử dụng nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H trèo qua tường bao từ nhà bà H3 đột nhập vào nhà anh H2 rồi đi vào bếp, H lấy trong bếp ra 01 thanh sắt dạng đầu nhọn dài 10cm để cạy cửa nhà dưới. Sau khi vào được nhà dưới, H thấy khu vực bán hàng còn có cửa sắt đã khóa, H dùng thanh sắt vuông, đầu gắn thanh sắt hình chữ V để phơi quần áo lấy được trong nhà anh H2 bậy cửa sắt rồi chui vào khu vực nhà chính. H lục tủ quần áo nhưng không phát hiện tài sản gì mà chỉ thấy chiếc chìa khóa két sắt. H dùng chìa khóa mở két sắt nhưng không mở được. Sau đó, H đi ra khu vực bán hàng thấy có 02 chiếc búa sắt, một chiếc cán gỗ, một chiếc cán sắt và 01 chiếc thuổng sắt nên đã dùng 02 chiếc búa và thuổng để phá két. H dùng búa đập cửa két sắt làm cánh cửa vênh lên, tạo khe hở với thành két sắt rồi dùng thuổng sắt cho vào khe hở để bậy tung cửa két sắt. Thấy trong két sắt có tiền gồm các cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng. H lấy toàn bộ số tiền rồi chui qua cửa sổ nhà dưới, trèo tường bao về nhà bà H3. Thấy bà H3 đang ăn cơm, H trả cho bà H3 200.000 đồng mà H vay trước đó từ số tiền trộm cắp được. Sau khi lấy được tiền, H dấu các cọc tiền 50.000 đồng và 100.000 đồng tại nhà vệ sinh bỏ hoang của nhà ông Lê Quốc C cùng ở thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng rồi đi bộ đến ngã tư Metro thuê xe ôm đến khu vực đường tàu Tđể mua ma túy sử dụng hết 1.000.000 đồng. Sau đó, H đi xe ôm về T để trả nợ cho anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1996, ở A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng số tiền 5.750.000đ rồi đi xe ôm về thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tại đây, H chôn dấu các cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000đ xuống gốc cây lộc vừng nhà ông Nguyễn Văn V, ở thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Trên cơ sở lời khai của H, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành thu giữ: Số tiền là 45.800.000đ gồm 56 tờ tiền mệnh giá 500.000đ và 89 tờ tiền mệnh giá 200.000đ tại vị trí gốc cây lộc vừng trước cửa nhà ông Nguyễn Văn V; Số tiền 10.750.000đ, gồm 102 tờ tiền mệnh giá 100.000đ và 11 tờ tiền mệnh giá 50.000đ tại vị trí nền nhà vệ sinh cũ của gia đình ông Lê Quốc C; số tiền 5.750.000đ thu giữ của anh Nguyễn Trường S. Tổng số tiền thu giữ là 62.300.000đ. Thu giữ 01 chiếc búa kim loại cán gỗ chiều dài 30 cm; 01 chiếc búa kim loại cán bằng sắt hộp vuông dài 18cm; 01 thuổng kim loại cán tròn dài 90 cm;

01 thanh kim loại hình ống vuông, dài 1,8 m một đầu được hàn 02 thanh kim loại thành hình chữ V; 01 đầu nhọn hàng rào bằng kim loại dài 10 cm.

Tại bản Kết luận giám định dấu vết đường vân số 32/KLGĐ ngày 18/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: *"Dấu vết ký hiệu DV4 (thu trên loa) với dấu vân tay in tại ô ngón trỏ trái trên chỉ bản số 39, do Công an huyện A lập vào ngày 08/02/2017, in dấu vân tay mười ngón viết tên Nguyễn Xuân H, sinh năm 1997, đăng ký HKTT: Thôn V, T, T, Hải Phòng do cùng một người để lại"*.

Tại Cáo trạng số 39/CT - VKS ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội: " Trộm cắp tài sản " theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Xuân H khai nhận do phát hiện thấy gia đình anh Lê Trác H2 chị Phạm Thị L2 không có ai ở nhà nên bị cáo đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh H2 lấy tiền mua ma túy và trả nợ cho bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng anh H2 vào thời gian và địa điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố và xét xử là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua quan điểm phát biểu Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H từ 30 (Ba mươi) tháng đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội: " *Trộm cắp tài sản"*. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có 1.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp vời lời khai của người bị hại và những người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường ngày 05 tháng 2 năm 2017, kết quả trưng cầu giám định dấu vết đường vân số 32/KLGĐ ngày 18 tháng

4 năm 2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, phù hợp với vật chứng thu giữ được trong vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Xuân H đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Lê Trác H2 chị Phạm Thị L2 vào ngày 05 tháng 02 năm 2017 tại nhà của vợ chồng anh H2 ở thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" vi phạm Điều 138 Bộ luật hình sự như kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên phải xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết định khung hình phạt: Trong vụ án này, người bị hại trình báo bị mất 204.000.000đ(Hai trăm ninh tư triệu đồng) trong két sắt nhưng bị cáo H chỉ thừa nhận số tiền bị cáo trộm cắp được khoảng 65.000.000đ (Sáu mươi năm triệu đồng). Tài liệu có trong hồ sơ không đủ căn cứ kết luận Nguyễn Xuân H trộm cắp 204.000.000đ (Hai trăm linh tư triệu đồng) theo như lời khai của bị hại, quá trình điều tra chỉ chứng minh được số tiền H chiếm đoạt là 63.500.000đ (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), thực tế đã thu hồi được 62.300.000đ (Sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng), còn 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) H đã mua ma túy hết 1.000.000đ (Một triệu đồng) và trả cho bà Đoàn Thị Hòe 200.000đ(Hai trăm đồng) H vay trước đó. Như vậy, ngày 05 tháng 2 năm 2017 Nguyễn Xuân H đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt số tiền 63.500.000đ (Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Lê Trác H2 chị Phạm Thị L2. Nên hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo và có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự " Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải " quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bản thân bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc két sắt bị phá hỏng, do giá trị không lớn nên vợ chồng anh Lê Trác H2 có quan điểm không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Đối

với số tiền bị mất theo lời khai của bị hại mà hiện nay không thu hồi được và số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) bị cáo trả cho bà H3, bà H3 đã trả lại cho vợ chồng anh H2, vợ chồng anh H2 có quan điểm không yêu cầu H bồi thường và không có ý kiến đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng anh H2, bị cáo đã mua ma túy hết 1.000.000đ. Do vợ chồng anh H2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại nên buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng trong vụ án*:* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và số vật chứng liên quan khác cho vợ chồng anh Lê Trác H2 nên không còn gì phải xét.

Đối với hành vi mua 1.000.000đ ma túy của Nguyễn Xuân H, H khai đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được ma túy. Người bán ma túy cho H ngày 05 tháng 2 năm 2017 hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội: " Trộm cắp tài sản " .

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2017.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Xuân H.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H phải nộp lại số tiền 1.000.000đ do phạm tội mà có sung quỹ nhà nước.

Khoản tiền do phạm tội mà có nêu trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Chi cục thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án nếu bị cáo không nộp hết khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Các Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi người bị hại đang cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương